THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 1439/QĐ-TTg *Hà Nội, ngày 03 tháng 10 năm 2012*

QUYẾT ĐỊNH
Phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Long An đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 25 tháng 12 năm 2001;

Căn cứ Nghị định số 92/2006/NĐ-CP ngày 07 tháng 9 năm 2006 của Chính phủ về lập, phê duyệt và quản lý quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội và Nghị định số 04/2008/NĐ-CP ngày 11 tháng 01 năm 2008 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 92/2006/NĐ-CP ngày 07 tháng 9 năm 2006 của Chính phủ;

Xét đề nghị của Ủy ban nhân dân tỉnh Long An,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Long An đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030 với những nội dung chủ yếu sau:

I. QUAN ĐIỂM PHÁT TRIỂN

1. Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Long An đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030 phải phù hợp với Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của cả nước, Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bằng sông Cửu Long; bảo đảm tính đồng bộ, thống nhất với quy hoạch ngành, lĩnh vực.

2. Phát huy tối đa tiềm năng, lợi thế của tỉnh; khai thác, sử dụng có hiệu quả mọi nguồn lực để phát triển kinh tế - xã hội nhanh, bền vững và bảo vệ môi trường sinh thái; đẩy mạnh chuyển dịch cơ cấu kinh tế, nâng cao chất lượng tăng trưởng và sức cạnh tranh của nền kinh tế.

3. Phát triển kinh tế gắn với thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội và bảo vệ tài nguyên, môi trường để từng bước nâng cao chất lượng cuộc sống nhân dân, giảm dần tỷ lệ hộ nghèo; phát triển y tế, văn hóa, giáo dục và đào tạo. Tập trung đào tạo nguồn nhân lực có chất lượng cao đáp ứng nhu cầu thị trường, gắn phát triển nguồn nhân lực với phát triển và ứng dụng khoa học, công nghệ.

4. Kết hợp chặt chẽ giữa phát triển kinh tế với bảo đảm an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội; giữ vững quốc phòng an ninh với vị trí Long An là địa phương nằm trong khu vực biên giới của vùng đồng bằng sông Cửu Long và trong thế hội nhập kinh tế của khu vực Đông Nam Á và quốc tế.

II. MỤC TIÊU PHÁT TRIỂN

1. Mục tiêu tổng quát

- Xây dựng Long An trở thành tỉnh phát triển bền vững, hài hòa giữa khu vực đô thị và nông thôn; có trình độ công nghệ cao, hệ thống kết cấu hạ tầng đồng bộ, hiện đại; nguồn nhân lực có chất lượng; đời sống vật chất tinh thần của nhân dân không ngừng được nâng cao; có nền quốc phòng - an ninh vững mạnh, trật tự an toàn xã hội được đảm bảo. Phấn đấu đến năm 2020, tỉnh Long An cơ bản trở thành tỉnh công nghiệp.

2. Mục tiêu cụ thể

a) Về kinh tế:

- Tốc độ tăng trưởng kinh tế bình quân thời kỳ 2012 - 2030 đạt 12,5%/năm, trong đó giai đoạn 2012 - 2020 tăng 13%/năm.

- Đến năm 2015: GDP bình quân đầu người đạt 50 triệu đồng/người/năm (khoảng 2.400 USD); tỷ trọng các ngành nông nghiệp, công nghiệp, dịch vụ trong cơ cấu GDP tương ứng chiếm 28%, 41%, 31%; thu ngân sách nhà nước trên địa bàn chiếm 10% GDP; khả năng huy động vốn đầu tư từ nguồn thu ngân sách nhà nước chiếm 28,5%.

- Đến năm 2020: GDP bình quân đầu người đạt 80 triệu đồng/người/năm (khoảng 3.800 USD); tỷ trọng các ngành nông nghiệp, công nghiệp, dịch vụ trong cơ cấu GDP tương ứng chiếm 15%, 45%, 40%; thu ngân sách nhà nước trên địa bàn chiếm 10,8% GDP; khả năng huy động vốn đầu tư từ nguồn thu ngân sách nhà nước chiếm 29,6%.

- Tầm nhìn đến năm 2030: GDP bình quân đầu người đạt 172 triệu đồng/người/năm (khoảng 8.000 USD); tỷ trọng các ngành nông nghiệp, công nghiệp, dịch vụ trong cơ cấu GDP tương ứng chiếm 7%, 48%, 45%; thu ngân sách nhà nước trên địa bàn chiếm 10,8% GDP; khả năng huy động vốn đầu tư từ nguồn thu ngân sách nhà nước chiếm 29,6%.

b) Về xã hội:

- Đến năm 2015:

Tỷ lệ tăng dân số tự nhiên dưới 1,2%; tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi bị suy dinh dưỡng còn dưới 16%; 100% trạm y tế xã đạt chuẩn và 90% xã đạt chuẩn quốc gia về y tế; phổ cập mầm non cho trẻ 5 tuổi; 40% - 50% số xã, phường, thị trấn đạt chuẩn phổ cập giáo dục bậc trung học; 50% trường đạt chuẩn quốc gia; tỷ lệ hộ nghèo theo chuẩn quốc gia dưới 3%; tỷ lệ lao động qua đào tạo là 60%.

Phấn đấu có 20% (khoảng 36 xã) đạt tiêu chí xã nông thôn mới; 50% xã, phường, thị trấn có trung tâm văn hóa, thể thao; có 30% xã, phường, thị trấn đạt chuẩn văn hóa; bảo đảm có 99% hộ gia đình đô thị và 95% hộ gia đình ở nông thôn được sử dụng nước hợp vệ sinh và 99,25% hộ gia đình được sử dụng điện.

- Đến năm 2020:

Phấn đấu tỷ lệ sinh giảm còn 1,46%; tuổi thọ trung bình đạt 76 tuổi; tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi bị suy dinh dưỡng còn dưới 12%; số giường bệnh/10.000 dân là 20 giường; số bác sĩ/xã tối thiểu có 1 bác sĩ và có 8 bác sĩ/10.000 dân;

Tỷ lệ hộ nghèo theo chuẩn quốc gia còn 1%; tỷ lệ lao động qua đào tạo là 65%; tỷ lệ thất nghiệp thành thị là 3%; cơ cấu lao động ở 3 khu vực I, II, III lần lượt là 28,1%, 37,8%, 34%; số lượng lao động qua đào tạo là 628.600 người và tạo việc làm cho 180.000 người;

Tỷ lệ tới trường đạt: tiểu học là 100%, trung học cơ sở là 95%, trung học phổ thông là 70%. Tỷ lệ trường đạt chuẩn quốc gia là 70%; số người có trình độ cao đẳng, đại học trở lên/1000 dân là 170 người;

Phấn đấu có 50% (khoảng 83 xã) đạt tiêu chí xã nông thôn mới; có 90% nhà văn hóa ở tuyến tỉnh; đảm bảo 100% huyện, thành phố có trung tâm văn hóa, thể thao, 75% xã, phường, thị trấn có trung tâm văn hóa, thể thao; bảo đảm có 100% hộ gia đình được sử dụng nước hợp vệ sinh và 99,7% hộ gia đình được sử dụng điện.

- Tầm nhìn đến năm 2030:

Tỷ lệ sinh giảm còn khoảng 1,5%; tuổi thọ trung bình đạt khoảng 78 tuổi; tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi bị suy dinh dưỡng còn khoảng 10%; số giường bệnh/10.000 dân là 30 giường; số bác sĩ/xã tối thiểu là 3 bác sĩ và có 10 bác sĩ/10.000 dân.

Tỷ lệ lao động qua đào tạo là 70%; tỷ lệ thất nghiệp thành thị là 2%; số lượng lao động qua đào tạo là 762.720 người và tạo việc làm cho 190.000 người;

Phấn đấu 100% trường mầm non đạt chuẩn quốc gia; số người có trình độ cao đẳng, đại học trở lên/1000 dân là 200 người; có 95% nhà văn hóa ở tuyến tỉnh.

c) Về bảo vệ môi trường:

- Đảm bảo tỷ lệ phủ xanh đến năm 2015 đạt 21% và duy trì đến năm 2020, 2030; nâng tỷ lệ che phủ rừng lên 15% vào năm 2015 và lần lượt đạt 17%, 19% vào các năm 2020, 2030; diện tích ảnh hưởng lũ lụt (ngập trên 1m) vào các năm 2015, 2020, 2030 lần lượt là 25%, 23%, 20%.

- Phấn đấu đến năm 2015, 80% chất thải sinh hoạt, công nghiệp và 100% chất thải y tế được thu gom và xử lý; di dời 100% cơ sở sản xuất gây ô nhiễm môi trường ra khỏi các khu đô thị và khu dân cư; 100% doanh nghiệp thực hiện tốt cam kết bảo vệ môi trường.

- Đảm bảo ý thức trong cộng đồng và tăng cường năng lực của các bên liên quan về các vấn đề môi trường; bảo vệ và khai thác bền vững các nguồn tài nguyên thiên nhiên; giảm thiểu ô nhiễm và suy thoái môi trường.

- Bảo đảm quốc phòng, an ninh, giữ vững ổn định chính trị, kiềm chế sự gia tăng, tiến tới giảm dần các loại tội phạm và tệ nạn xã hội.

III. ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN CÁC NGÀNH, LĨNH VỰC

1. Phát triển ngành nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản

Phát triển toàn diện theo hướng sản xuất hàng hóa chất lượng cao, đảm bảo môi trường sinh thái và phát triển bền vững. Phấn đấu tốc độ tăng trưởng bình quân đạt 5,7%/năm giai đoạn 2011 - 2020 và đạt 4,8%/năm giai đoạn đến 2030; tỷ trọng của từng ngành nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp lần lượt là 82% - 4% - 14% vào năm 2020 và 78% - 6% - 16% vào năm 2030.

- Nông nghiệp: xác định trọng tâm là sản xuất lúa gạo đảm bảo an ninh lương thực quốc gia; phát triển theo hướng thâm canh và chuyên canh, ứng dụng công nghệ mới phù hợp, sử dụng giống có chất lượng cao nhằm gia tăng giá trị sản xuất trên đơn vị diện tích đất canh tác và đáp ứng nhu cầu của thị trường; đồng thời chú trọng khâu chế biến sau thu hoạch, nâng cao chất lượng gạo xuất khẩu. Cải thiện hệ thống sản xuất các sản phẩm là thế mạnh của tỉnh như mía, rau quả đáp ứng các tiêu chuẩn tiêu dùng trong nước và xuất khẩu; từng bước kiểm soát hiệu quả dịch bệnh, đảm bảo tăng trưởng nông nghiệp ổn định; tuân thủ các quy trình công nghệ từ khâu sản xuất, chế biến đến tiêu thụ.

Phát triển chăn nuôi (lợn, bò, gia cầm) theo hướng tập trung có quy mô phù hợp đáp ứng nhu cầu tiêu dùng trong nước; áp dụng công nghệ chăn nuôi tiên tiến, sản xuất các sản phẩm chất lượng cao, đảm bảo vệ sinh và an toàn thực phẩm; kiểm soát chặt chẽ dịch bệnh và ô nhiễm môi trường do các hoạt động chăn nuôi.

- Lâm nghiệp: duy trì và bảo tồn các nguồn tài nguyên rừng hiện có nhằm đảm bảo phát triển rừng bền vững; bảo tồn môi sinh cho các loài động vật hoang dã, các nguồn gen quý hiếm kết hợp với phát triển du lịch sinh thái, đặc biệt là rừng đặc dụng, trong đó khu vực Đồng Tháp Mười đóng vai trò quan trọng góp phần giảm thiểu tác động do biến đổi khí hậu và nước biển dâng. Bảo vệ và có chính sách hợp lý nhằm duy trì diện tích rừng phòng hộ, kết hợp phát triển rừng với an ninh quốc gia ở các huyện biên giới. Khai thác các nguồn tài nguyên rừng hợp lý, khuyến khích đầu tư sản xuất và phát triển rừng bền vững.

- Ngư nghiệp: Phát triển nuôi trồng thủy sản hàng hóa ở vùng Đồng Tháp Mười theo hướng kiểm soát và bảo vệ môi trường sinh thái. Nghiên cứu xây dựng các mô hình tổ chức nuôi trồng phù hợp (câu lạc bộ, hợp tác xã, tổ kinh tế, trang trại, v..v) nhằm đảm bảo lợi ích của các bên và thúc đẩy sản xuất hàng hóa; đầu tư phát triển cơ sở hạ tầng để ứng dụng công nghệ trong nuôi trồng thủy hải sản.

2. Phát triển ngành công nghiệp

- Phát triển công nghiệp bền vững có khả năng tác động đến các ngành nông nghiệp, dịch vụ và trở thành động lực phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh. Phấn đấu tốc độ tăng trưởng đạt 14,2%/năm vào năm 2015, đạt 14,4%/năm vào năm 2020 và 13,6%/năm vào 2030. Chú trọng phát triển các ngành công nghiệp theo hướng đa dạng hóa sản phẩm, công nghiệp có hàm lượng công nghệ cao, xanh và sạch.

- Đảm bảo cung cấp dịch vụ cơ sở hạ tầng phù hợp cho phát triển các ngành nghề, hoạt động kinh doanh có tính quốc tế; xây dựng các khu công nghiệp chất lượng cao để kêu gọi các nhà đầu tư nước ngoài; thiết lập các chính sách phát triển công nghiệp hữu hiệu với cơ chế thực hiện cụ thể, phát huy được nguồn lực dồi dào; đảm bảo cung cấp nguồn nhân lực đã qua đào tạo và có chất lượng cao với chi phí hợp lý; phát triển các ngành nghề mới giúp tạo ra ngành mũi nhọn cho phát triển công nghiệp tỉnh trên bình diện phát triển công nghiệp ở Việt Nam.

- Khuyến khích các ngành công nghiệp phù hợp với chính sách của tỉnh, bổ trợ cho các ngành đang có ở vùng kinh tế trọng điểm phía Nam như: công nghệ cao, công nghệ tri thức, nghiên cứu và phát triển, môi trường, công nghiệp dựa trên công nghệ vật liệu mới, sản xuất điện tử và phần mềm, sản xuất khí hóa lỏng (GTL), chế tạo pin năng lượng mặt trời, hệ thống sản xuất điện từ khí hy-đrô... phát triển ngành công nghiệp sản xuất nông cụ dựa trên các ngành sản xuất nông nghiệp liên quan hiện có tại tỉnh.

- Tập trung phát triển nhanh, hiệu quả và đầu tư kết cấu hạ tầng, thu hút đầu tư vào các khu, cụm công nghiệp đã được thành lập, gắn liền với xây dựng các công trình xử lý chất thải, bảo đảm môi trường xanh, sạch.

3. Phát triển thương mại, dịch vụ và du lịch

Phấn đấu tốc độ tăng trưởng đạt 17%/năm trong giai đoạn đến 2020 và đạt 15,3%/năm trong giai đoạn đến 2030.

- Thương mại, dịch vụ: Phát triển các dịch vụ chất lượng cao, đa dạng nhằm đáp ứng nhu cầu của người dân; cải thiện kết cấu hạ tầng các dịch vụ hướng đến các tiện ích hiện đại và thuận tiện với người sử dụng; cân bằng chất lượng dịch vụ giữa các khu vực đô thị và nông thôn.

Phát triển các trung tâm đô thị cạnh tranh được cung cấp dịch vụ phù hợp gắn kết với phát triển không gian. Thiết lập các trung tâm dịch vụ nhằm khai thác lợi thế là cửa ngõ của vùng Đồng bằng sông Cửu Long và vùng Kinh tế trọng điểm phía Nam. Tăng cường các dịch vụ phục vụ phát triển công nghiệp, dịch vụ đô thị như dịch vụ kho vận, công nghệ thông tin, các tiện ích, nghiên cứu thị trường, dịch vụ tài chính,…

- Du lịch: Phát triển hệ thống du lịch toàn diện bao gồm cung cấp thông tin, hạ tầng và dịch vụ vận tải, nơi cư trú chất lượng cao, ẩm thực phong phú, đa dạng,

đặc trưng; các khu giải trí, nguồn nhân lực phục vụ có chất lượng. Đa dạng hóa các sản phẩm du lịch, thực hiện liên kết phát triển du lịch với các địa phương trong Vùng, đặc biệt là thành phố Hồ Chí Minh và các tỉnh bên kia biên giới Campuchia. Các mô hình phát triển du lịch: du lịch sinh thái, du lịch làng nghề với các giá trị văn hóa…

4. Các lĩnh vực xã hội

a) Giáo dục và đào tạo:

- Tiếp tục đầu tư cơ sở vật chất các trường từ cấp mầm non đến đại học, tăng cường mạng lưới trường, lớp học, đặc biệt là các vùng nông thôn, vùng xa, biên giới và các công trình phụ trợ phục vụ giáo dục và đào tạo và coi đây là một trong những mục tiêu ưu tiên của Tỉnh.

- Nâng cao trình độ, năng lực giáo viên, cải thiện các phương pháp dạy và học để có thể đáp ứng được nhu cầu đa dạng về kỹ năng và chất lượng cũng như để tạo nền tảng pháp lý và phát huy nội lực cho phát triển giáo dục.

- Nâng cao trình độ học sinh ở tất cả các cấp, cần tập trung phát triển giáo dục toàn diện trên các mặt trí tuệ, thể chất và đạo đức; tạo dựng cho học sinh trung học cơ sở các kiến thức cơ bản chung và kỹ năng sơ khởi về đào tạo hướng nghiệp; tiếp tục duy trì và phát huy những thành tích đã đạt được trong việc phổ cập trung học cơ sở.

- Xây dựng cơ cấu ngành nghề đào tạo phù hợp với yêu cầu của nền kinh tế, đào tạo phải gắn với giải quyết việc làm sau đào tạo; đa dạng hóa các loại hình đào tạo nghề theo hướng nâng cao chất lượng; chú trọng đào tạo nghề cho lao động nông thôn, củng cố mạng lưới các trường dạy nghề; tăng cường hợp tác, liên kết về đào tạo với các địa phương khác trong cả nước và quốc tế.

b) Y tế:

- Phát triển đồng bộ mạng lưới y tế đến cơ sở; từng bước nâng cao chất lượng chuyên môn và y đức cho đội ngũ cán bộ y tế; hiện đại hóa cơ sở vật chất, trang thiết bị khám, chữa bệnh và phòng, chống dịch; tiếp tục nâng cấp các trung tâm y tế dự phòng tuyến huyện; đẩy mạnh xã hội hóa để thu hút vốn đầu tư xây dựng các cơ sở khám, chữa bệnh gắn điều trị với nghỉ dưỡng;

- Chú trọng việc hình thành xã hội khỏe mạnh, tăng cường chất lượng hệ thống y tế dự phòng, xây dựng hệ thống chăm sóc sức khỏe cho người dân; nâng cao hiệu quả công tác truyền thông giáo dục sức khỏe, vệ sinh môi trường, vệ sinh an toàn thực phẩm;

- Phấn đấu đạt mục tiêu thực hiện bảo hiểm y tế toàn dân và các chính sách dân số, kế hoạch hóa gia đình, nâng cao chất lượng dân số.

c) Văn hóa, thể dục thể thao:

- Xây dựng nền văn hóa lành mạnh tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc, tạo ra được nhiều sản phẩm văn hóa chất lượng cao và đặc thù của địa phương; tập trung xây dựng hệ thống thiết chế văn hóa đồng bộ các cấp, tôn tạo các di tích văn hóa, lịch sử và bảo tồn các giá trị văn hóa truyền thống của các dân tộc;

- Quan tâm phát triển phong trào thể dục, thể thao quần chúng; chú trọng đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ vận động viên thành tích cao; đẩy mạnh công tác xã hội hóa, tăng thêm nguồn lực đầu tư cơ sở vật chất, nâng cao công tác giáo dục thể chất trong nhà trường.

d) Giảm nghèo, giải quyết việc làm và đảm bảo an sinh xã hội:

- Tiếp tục đầu tư vào hạ tầng nông thôn, từng bước hoàn thiện hạ tầng thiết yếu như trường học, trạm xá, đường giao thông, trung tâm xã, điện, nước, thủy lợi cho các xã nghèo và các vùng khó khăn. Phát triển kinh tế nông thôn, đặc biệt là kinh tế trang trại và kinh tế hộ gia đình, khôi phục và phát triển các làng nghề, phát triển các doanh nghiệp vừa và nhỏ sử dụng nhiều lao động tại nông thôn; gắn kết các chính sách vào phục vụ tạo việc làm và phát triển sản xuất nông nghiệp, thủy sản.

- Thực hiện đồng bộ, toàn diện và hiệu quả các chương trình xóa đói, giảm nghèo, xác định vai trò của các tổ chức chính quyền trong triển khai chương trình; xây dựng các giải pháp, mô hình giảm nghèo bền vững, tạo điều kiện cho người nghèo phát triển sản xuất; có chính sách khuyến khích xã, hộ gia đình thoát nghèo, khuyến khích các doanh nghiệp dạy nghề, tạo việc làm cho người nghèo. Cung cấp các dịch vụ hỗ trợ và đào tạo cần thiết cho những người phải hoặc muốn chuyển từ sản xuất nông nghiệp sang các ngành nghề khác trong quá trình chuyển đổi cơ cấu kinh tế.

đ) Khoa học và công nghệ

- Tăng cường công tác quản lý về tiêu chuẩn, chất lượng hàng hóa và xây dựng các hệ thống quản lý chất lượng tiên tiến; mở rộng hợp tác về khoa học công nghệ; tiến hành tiêu chuẩn hóa các mặt hàng sản xuất nông sản chủ lực trên địa bàn tỉnh (lúa, thanh long, đậu phộng, tôm,...)

- Đẩy mạnh ứng dụng thành tựu khoa học công nghệ mới như công nghệ sinh học, công nghệ sau thu hoạch, tạo bước đột phá về giống cây, con, có năng suất, giá trị cao; từng bước cơ giới hóa các công đoạn trong quá trình sản xuất nông nghiệp. Hỗ trợ các doanh nghiệp đổi mới và ứng dụng công nghệ trong các làng nghề truyền thống;

5. Phát triển kết cấu hạ tầng

a) Giao thông

- Phát triển hạ tầng giao thông theo hướng hiện đại, tăng cường tính kết nối các trung tâm đô thị lớn, các trung tâm tăng trưởng và các khu vực trong tỉnh với nhau;

đảm bảo vận chuyển hàng hóa, hành khách an toàn, hiệu quả cùng với bảo vệ môi trường, phòng tránh các vấn đề như tắc nghẽn giao thông, tai nạn giao thông, ô nhiễm không khí; thiết lập cơ chế tổ chức và thể chế phù hợp để tạo dựng và quản lý mạng lưới và dịch vụ vận tải một cách hữu hiệu.

- Phát triển mạng lưới giao thông (đường bộ và đường thủy) hiệu quả có tính cạnh tranh và gắn kết với mạng lưới giao thông vùng tạo điều kiện cho tỉnh Long An trở thành cửa ngõ thực sự nối kết giữa vùng Đồng bằng sông Cửu Long và vùng Kinh tế trọng điểm phía Nam; nâng cấp, cải tạo đường giao thông nông thôn, đảm bảo không bị ngập lụt và tạo điều kiện cho các phương tiện lưu thông an toàn và thông suốt; phát triển các dịch vụ vận tải công cộng phù hợp, đáp ứng nhu cầu của người dân.

b) Thủy lợi

- Nâng cấp, cải tạo hệ thống thủy lợi ở các huyện Đức Hòa, Cần Đước và Cần Giuộc để tạo điều kiện cho sản xuất nông nghiệp; xây dựng hệ thống kênh tiếp nhận nước bổ sung từ hồ Phước Hòa; nghiên cứu lập quy hoạch khai thác nguồn nước ngầm; quy hoạch khai thác nước kênh Hồng Ngự để cung cấp nước tưới cho lưu vực nằm giữa sông Vàm Cỏ Đông và Vàm Cỏ Tây.

- Nghiên cứu nạo vét, nâng cấp, cải tạo một số kênh trong lưu vực kênh Nguyễn Văn Tiếp với đa mục tiêu cấp thoát nước, thoát lũ, khai thác nước sông Tiền; tiếp tục hoàn thiện hệ thống đê và cống dọc hai bờ sông Vàm Cỏ nhằm điều tiết hợp lý việc trữ và xả nước; đồng thời nghiên cứu các biện pháp khả thi để đối phó với biến đổi khí hậu và ngăn chặn xâm nhập mặn.

- Xây dựng hệ thống kênh cấp 2, cấp 3 phục vụ công tác tưới, tiêu, thoát lũ và cải tạo đất chua phèn; hệ thống đê bao và các cống dưới đê để bảo vệ các thị trấn, trung tâm xã và các tuyến dân cư trong mùa lũ;

c) Cấp điện

- Cải tạo, xây dựng mạng lưới điện theo hướng đồng bộ, tăng công suất các trạm đầu mối để ổn định nguồn điện; nghiên cứu, xây dựng các dự án sử dụng các nguồn năng lượng khác như: điện gió, năng lượng ánh sáng mặt trời,... tại những khu vực thích hợp;

- Phát triển hệ thống phân phối điện đến các khu, cụm công nghiệp, du lịch, các điểm dân cư và các vùng sản xuất tập trung; từng bước ngầm hóa hệ thống lưới điện đô thị; chú trọng phát triển mạng lưới điện nông thôn.

d) Cấp, thoát nước và vệ sinh môi trường:

- Tập trung đầu tư nâng cấp, xây mới đồng bộ hệ thống cấp nước sinh hoạt cho các đô thị đảm bảo nhu cầu cấp nước sạch cho sinh hoạt, sản xuất của người dân; đối với khu vực dân cư nông thôn, đảm bảo được sử dụng nước hợp vệ sinh; căn

cứ vào khả năng huy động các nguồn lực từng giai đoạn, xây dựng kế hoạch đầu tư nâng cấp, mở rộng các nhà máy xử lý nước, mạng lưới truyền dẫn và phân phối đồng bộ; thực hiện có hiệu quả chương trình nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn.

- Xây dựng đồng bộ hệ thống thoát nước mưa, thu gom và xử lý nước thải, đặc biệt là tại khu đô thị, khu cụm công nghiệp, đảm bảo các đô thị không bị ngập úng; thu gom và xử lý rác thải y tế tại các bệnh viện, trạm xá; nghiên cứu xây dựng các bãi rác tập trung tại các khu đô thị.

đ) Thông tin truyền thông

- Nâng cao chất lượng, đa dạng hóa các loại hình dịch vụ, kết hợp cung cấp dịch vụ mới. Ứng dụng công nghệ thông tin trong việc xây dựng hệ thống thiết bị giao ban trực tuyến từ thành phố xuống cấp huyện.

- Hiện đại hóa, mở rộng mạng lưới đi đôi với ứng dụng công nghệ hiện đại trong lĩnh vực bưu chính, viễn thông; đảm bảo an ninh thông tin đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội.

6. Bảo vệ tài nguyên và môi trường

- Hạn chế mức độ gia tăng ô nhiễm môi trường trong sản xuất công nghiệp, nông nghiệp, dịch vụ và phát triển đô thị; đẩy mạnh ứng dụng công nghệ sạch vào các ngành kinh tế; khắc phục tình trạng suy thoái và cải thiện chất lượng môi trường; bảo vệ đa dạng sinh học và môi trường sinh thái.

- Quản lý bảo vệ chặt chẽ, có hiệu quả nguồn tài nguyên thiên nhiên, nhất là đất đai, rừng và khoáng sản. Kiểm soát chặt chẽ việc sử dụng và xử lý các loại hóa chất, chất thải gây ô nhiễm môi trường tại các cơ sở sản xuất kinh doanh, hộ gia đình.

7. Quốc phòng, an ninh

- Tăng cường củng cố quốc phòng, an ninh; phát huy sức mạnh tổng hợp của cả hệ thống chính trị nhằm xây dựng nền quốc phòng toàn dân kết hợp với thế trận an ninh nhân dân.

- Xây dựng và triển khai thực hiện tốt các phương án phòng thủ, quản lý chặt chẽ quân dự bị động viên đảm bảo về số lượng và chất lượng; gắn kết chặt chẽ với phát triển kinh tế - xã hội trên từng địa bàn, trong công tác quy hoạch, kế hoạch và các chương trình, dự án đầu tư phát triển.

IV. PHƯƠNG HƯỚNG TỔ CHỨC KHÔNG GIAN PHÁT TRIỂN

1. Phát triển đô thị - nông thôn

a) Đô thị

- Phát triển khu đô thị gắn kết Tân An - Bến Lức nhằm hỗ trợ giao thông vận tải hiệu quả và phát triển đô thị dọc hành lang.

- Phát triển đô thị Đức Hòa với vai trò là trung tâm dịch vụ của khu vực Đông Bắc; đô thị Cần Giuộc dự kiến sẽ cung cấp dịch vụ cho các cảng (Hiệp Phước và Long An) cũng như khu vực nội địa; hình thành đô thị Mộc Hóa được xác định là trung tâm phát triển của vùng Đồng Tháp Mười, phát triển kinh tế cửa khẩu nhằm đảm bảo cung cấp cơ sở hiệu quả cho thương mại và các hoạt động qua biên giới.

- Củng cố, nâng cấp các đô thị như Cần Đước, Tân Trụ, Thủ Thừa, Hậu Nghĩa, Đông Thành, Thạnh Hóa, Tân Thạnh, Tân Hưng và Vĩnh Hưng.

b) Nông thôn

Phát triển các trung tâm đô thị nông thôn theo hướng gắn kết như: cụm đô thị Thạnh Hóa - Tân Thạnh; cụm đô thị Đông Thành - Hậu Nghĩa; cụm đô thị Mộc Hóa - Bình Hiệp, đảm bảo phát triển các dịch vụ đô thị chất lượng cao để cải thiện cuộc sống của người dân nông thôn.

Phát triển hành lang sinh thái Vàm Cỏ Đông và Vàm Cỏ Tây, đảm bảo nguồn cấp nước cho sinh hoạt, sản xuất và phục vụ giao thông trong tỉnh và còn tạo cơ hội phát triển các hoạt động sinh thái khác nhau, đáp ứng nhu cầu của người dân đô thị, nông thôn và khách du lịch.

2. Phát triển vùng kinh tế

- Vùng 1 (Vùng an ninh lương thực, du lịch và kinh tế cửa khẩu): bao gồm các huyện Vĩnh Hưng, Tân Hưng, Mộc Hóa, Tân Thạnh, Thạnh Hóa, Châu Thành và một phần huyện Thủ Thừa, là vùng có lợi thế cạnh tranh trong sản xuất nông nghiệp và thu hút khách du lịch.

Định hướng phát triển mạnh về nông, lâm, ngư nghiệp và đảm bảo phát triển công nghiệp phục vụ nông nghiệp, nông thôn; phát triển dịch vụ, công nghiệp tại khu kinh tế cửa khẩu; phát triển du lịch sinh thái; phát triển đô thị Mộc Hóa nhằm đảm bảo giao lưu thương mại, dịch vụ với vùng Đồng Tháp Mười và thành phố Tân An.

- Vùng 2 (Vùng đệm sinh thái): nằm giữa hai con sông Vàm Cỏ Đông và Vàm Cỏ Tây. Mục tiêu chính của Vùng được xác định là bảo vệ Vùng 1 khỏi tác động từ hoạt động phát triển đô thị và công nghiệp quá mức của Vùng 3; tạo cảnh quan đặc biệt về sử dụng đất bằng việc kết hợp giữa các đặc điểm đô thị và nông thôn; giảm thiểu ô nhiễm cho sông Vàm Cỏ Đông, Vàm Cỏ Tây và bảo tồn không gian cho định hướng phát triển sau năm 2020.

Trước mắt, Vùng 2 được định hướng phát triển nông nghiệp, dành quỹ đất hợp lý cho phát triển công nghiệp, đô thị sinh thái, khu trung chuyển nội tỉnh. Xây dựng trung tâm Vùng là thị trấn Thủ Thừa nhằm kết nối các tiểu vùng kinh tế của tỉnh, giữa cửa khẩu đất liền và cảng biển. Chú trọng kiểm soát chặt chẽ sự phát triển của vùng 2 và chỉ cho phép phát triển ở các khu vực đã quy định dọc các tuyến đường và ở một số khu vực chỉ định khác.

- Vùng 3 (Vùng phát triển đô thị và công nghiệp) bao gồm sông Vàm Cỏ Đông và các huyện Đức Hòa, Bến Lức, Cần Giuộc, Cần Đước, một phần huyện Tân Trụ ở vùng Hạ, thành phố Tân An và một phần huyện Thủ Thừa.

Định hướng tập trung phát triển đô thị và công nghiệp tổng hợp, tạo thành hành lang phát triển đô thị trung tâm ở Bến Lức - Tân An và các đô thị công nghiệp đặc thù ở Đức Hòa, Cần Giuộc, Cần Đước.

V. DANH MỤC CÁC DỰ ÁN ƯU TIÊN ĐẦU TƯ

(Phụ lục kèm theo)

VI. MỘT SỐ GIẢI PHÁP CHỦ YẾU

1. Giải pháp về huy động vốn đầu tư:

- Nhu cầu vốn đầu tư giai đoạn 2011 - 2020 khoảng 400 nghìn tỷ đồng, trong đó giai đoạn 2011 - 2015 khoảng 120 nghìn tỷ đồng và giai đoạn 2016 - 2020 khoảng 280 nghìn tỷ đồng. Căn cứ vào khả năng cân đối ngân sách hàng năm, Tỉnh cần chủ động xây dựng kế hoạch, phân kỳ đầu tư phù hợp để đảm bảo vốn cho các công trình, dự án trọng điểm của địa phương; đồng thời, cần có các giải pháp cụ thể để huy động có hiệu quả các nguồn lực trong và ngoài nước cho đầu tư phát triển như:

- Xây dựng và ban hành danh mục các chương trình, dự án cần kêu gọi đầu tư đến năm 2020. Trên cơ sở đó đẩy mạnh công tác quảng bá giới thiệu, xúc tiến đầu tư nhằm thu hút vốn đầu tư từ các thành phần kinh tế, chú trọng khai thác nguồn vốn ODA.

- Cải thiện môi trường đầu tư, môi trường sản xuất, kinh doanh, tiếp tục cải cách thủ tục đầu tư theo hướng gọn, minh bạch, công khai; tạo điều kiện về cơ sở hạ tầng để sẵn sàng tiếp nhận các dự án đầu tư; ban hành các cơ chế, chính sách hỗ trợ đầu tư trên cơ sở lợi thế về phát triển kinh tế của địa phương và phù hợp với các quy định của pháp luật.

- Đẩy mạnh xã hội hóa để thu hút đầu tư nhất là trong các lĩnh vực giáo dục, đào tạo, y tế, văn hóa, thể thao, phát thanh, truyền hình, khoa học công nghệ, bảo vệ môi trường,...

- Mở rộng các hình thức đầu tư BOT, BT, BTO, PPP,... tạo điều kiện thuận lợi để phát triển các thị trường vốn; phát triển các hình thức liên doanh, liên kết đầu tư, góp vốn đầu tư bằng tài sản.

2. Giải pháp về chính sách đầu tư

- Thực hiện các chính sách thông thoáng để thu hút đầu tư của các thành phần kinh tế trong và ngoài tỉnh dựa trên sự phát triển bền vững.

- Xây dựng môi trường đầu tư hấp dẫn nguồn FDI bằng các cơ chế miễn giảm thuế, giá thuê đất, chuẩn bị hạ tầng khu công nghiệp;

3. Giải pháp về đào tạo, phát triển nguồn nhân lực:

- Tăng cường các hoạt động đào tạo nghề phù hợp với nhu cầu của thị trường lao động. Thực hiện tốt các chương trình hỗ trợ đào tạo, đào tạo lại đối với đội ngũ cán bộ quản lý ở các cấp, các lĩnh vực; khuyến khích phát triển các hình thức đào tạo trực tiếp tại các doanh nghiệp, đào tạo theo nhu cầu của nhà đầu tư và các trung tâm giới thiệu việc làm.

- Xây dựng và thực hiện các chính sách ưu đãi cụ thể nhằm thu hút lực lượng lao động có trình độ cao về công tác tại địa phương; liên kết, hợp tác giữa cơ sở đào tạo với doanh nghiệp sử dụng lao động. Kết hợp hài hòa giữa đào tạo nâng cao chất lượng nguồn nhân lực với giải quyết việc làm cho người lao động sau đào tạo.

4. Giải pháp về cải cách hành chính, nâng cao năng lực bộ máy quản lý nhà nước

- Hiện đại hóa nền hành chính, từng bước xây dựng chính quyền điện tử; củng cố, kiện toàn cơ cấu tổ chức và hoạt động của bộ máy chính quyền địa phương các cấp nhằm nâng cao năng lực, hiệu lực quản lý, điều hành của các cơ quan nhà nước.

- Thực hiện các chính sách hỗ trợ phát triển doanh nghiệp; tích cực tháo gỡ khó khăn để nâng cao hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp; quan tâm hỗ trợ các doanh nghiệp vừa và nhỏ, các doanh nghiệp mới thành lập.

Tăng cường phổ biến giáo dục pháp luật và trợ giúp pháp lý cho người dân, bảo đảm sự nghiêm minh của pháp luật; rà soát, đơn giản hóa thủ tục hành chính, nâng cao hiệu quả thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông. Quan tâm đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ, năng lực và thực hiện chuẩn hóa đội ngũ cán bộ, công chức ở địa phương.

5. Giải pháp về khoa học và công nghệ

- Tiếp tục đổi mới cơ chế, hệ thống quản lý nhà nước về khoa học và công nghệ theo hướng phù hợp với tiến trình cải cách hành chính; đào tạo, bồi dưỡng và có kế hoạch trẻ hóa đội ngũ cán bộ làm công tác khoa học công nghệ, thực hiện tốt chính sách đãi ngộ các nhà khoa học, chính sách khuyến khích xã hội hóa trong nghiên cứu khoa học và phát triển thị trường khoa học công nghệ.

- Đầu tư cơ sở vật chất phục vụ công tác quản lý khoa học công nghệ; tăng cường kiểm soát hoạt động chuyển giao, giám định công nghệ, chất lượng và ô nhiễm môi trường.

6. Xúc tiến đầu tư thương mại, liên kết, hợp tác phát triển:

- Phát triển kinh tế đối ngoại toàn diện, chủ động tham gia hội nhập kinh tế quốc tế nhằm thu hút tối đa các nguồn lực bên ngoài; tăng cường hợp tác liên kết với thành phố Hồ Chí Minh và các địa phương trong vùng Kinh tế trọng điểm phía Nam, vùng Đồng bằng sông Cửu Long, các địa phương trong nước và quốc tế,

trong đó có các tỉnh của Vương quốc Campuchia. Phát triển thị trường hàng hóa, dịch vụ; nâng cao chất lượng, sức cạnh tranh và xây dựng một số thương hiệu hàng hóa cho các sản phẩm có lợi thế.

- Tăng cường xúc tiến đầu tư, thương mại du lịch trong và ngoài nước, ưu tiên thu hút những lĩnh vực có yêu cầu trình độ, công nghệ tiên tiến; đa dạng hóa thị trường xuất khẩu; khuyến khích liên doanh, liên kết giữa các cơ sở sản xuất nguyên liệu, chế biến và tiêu thụ sản phẩm; phát triển đa dạng, đồng bộ các loại thị trường.

7. Giải pháp bảo vệ tài nguyên môi trường

- Tăng cường công tác tuyên truyền, giáo dục nâng cao nhận thức cho người dân và các tổ chức, doanh nghiệp về bảo vệ môi trường là trách nhiệm chung của toàn xã hội; thường xuyên kiểm tra, giám sát và xử lý nghiêm các trường hợp vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường.

- Trên cơ sở Quy hoạch này, lập các biện pháp cụ thể về quản lý, bảo vệ môi trường, phát triển bền vững đối với từng khu vực trong tỉnh; đồng thời xây dựng và thực hiện Chương trình quản lý môi trường để giám sát, cảnh báo những tác động môi trường từ các hoạt động kinh tế, xã hội, có biện pháp xử lý kịp thời.

VII. TỔ CHỨC VÀ GIÁM SÁT THỰC HIỆN QUY HOẠCH

1. Công bố, phổ biến Quy hoạch

- Tổ chức công bố, phổ biến Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh Long An đến năm 2020 tầm nhìn đến năm 2030 cho cấp ủy Đảng và chính quyền, các ngành, đoàn thể, các doanh nghiệp và nhân dân trong Tỉnh ngay sau khi được Thủ tướng Chính phủ ký ban hành. Căn cứ nội dung của Quy hoạch, tiến hành xây dựng chương trình hành động cụ thể để có kế hoạch thực hiện đạt kết quả.

- Đẩy mạnh hoạt động xúc tiến đầu tư, tổ chức giới thiệu, quảng bá về tiềm năng, lợi thế của địa phương với các nhà đầu tư; giới thiệu các chương trình, dự án cần được ưu tiên đầu tư, trong đó chú trọng kêu gọi đầu tư các dự án trọng điểm tạo ra những sản phẩm chủ lực.

2. Xây dựng chương trình hành động

- Tỉnh cần cụ thể hóa nội dung của Quy hoạch bằng các kế hoạch 5 năm, hàng năm để thực hiện và có đánh giá kết quả đạt được. Trên cơ sở đó tiến hành rà soát lại Quy hoạch và trình cấp có thẩm quyền điều chỉnh, bổ sung kịp thời đảm bảo phù hợp với nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội của địa phương trong từng thời kỳ.

- Các cấp, các ngành, các tổ chức chính trị - xã hội và nhân dân trong Tỉnh có trách nhiệm kiểm tra, giám sát việc thực hiện Quy hoạch.

Điều 2. Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Long An đến năm 2020 tầm nhìn đến năm 2030 là cơ sở cho việc lập, trình duyệt và triển khai thực hiện các quy hoạch ngành (quy hoạch xây dựng, quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất và các quy hoạch khác có liên quan), các dự án đầu tư trên địa bàn tỉnh Long An.

Điều 3. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh Long An căn cứ nội dung Quy hoạch được phê duyệt chỉ đạo việc lập, duyệt và triển khai thực hiện theo quy định các nội dung sau:

1. Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội cấp huyện; quy hoạch xây dựng; quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất; quy hoạch phát triển các ngành, lĩnh vực trong Tỉnh phù hợp với nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội gắn với đảm bảo quốc phòng, an ninh.

2. Lập các kế hoạch dài hạn, trung hạn, ngắn hạn gắn với các dự án cụ thể để có kế hoạch bố trí vốn đầu tư phù hợp.

3. Nghiên cứu xây dựng, ban hành hoặc trình cấp có thẩm quyền ban hành (nếu vượt quá thẩm quyền) một số cơ chế, chính sách phù hợp với yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của Tỉnh.

Điều 4. Các Bộ, ngành liên quan trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của mình có trách nhiệm:

1. Hướng dẫn và giúp Ủy ban nhân dân tỉnh Long An trong quá trình thực hiện Quy hoạch.

2. Phối hợp với tỉnh Long An trong quá trình rà soát, điều chỉnh, bổ sung quy hoạch ngành, lĩnh vực để bảo đảm tính đồng bộ, thống nhất của Quy hoạch; xem xét, hỗ trợ Tỉnh trong việc huy động các nguồn vốn đầu tư trong nước và nước ngoài để thực hiện Quy hoạch.

Điều 5. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.

Điều 6. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Long An, các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

THỦ TƯỚNG

Nguyễn Tấn Dũng

Phụ lục

DANH MỤC CÁC DỰ ÁN ƯU TIÊN NGHIÊN CỨU ĐẦU TƯ ĐẾN NĂM 2020, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2030, TỈNH LONG AN

(Ban hành kèm theo Quyết định số1439/QĐ-TTg ngày 03 tháng 10 năm 2012 của Thủ tướng Chính phủ)

I	**CÁC DỰ ÁN DO TRUNG ƯƠNG ĐẦU TƯ**
1	Đường Vành Đai 3
2	Đường Vành Đai 4
3	Đường cao tốc Bến Lức - Long Thành
4	Đường sắt thành phố Hồ Chí Minh - Mỹ Tho
5	Quốc lộ N1
6	Nâng cấp Quốc lộ 62
7	Dự án thủy lợi Phước Hòa
II	**CÁC DỰ ÁN DO ĐỊA PHƯƠNG ĐẦU TƯ**
8	Xây dựng mô hình cải thiện đồng bộ Vùng trồng lúa Đồng Tháp Mười
9	Dự án tăng cường phòng chống ô nhiễm môi trường
10	Thành lập Hệ thống Giám sát toàn diện các yếu tố môi trường
11	Phát triển phù hợp với tư cách "Nhà quản lý Kiểm soát Ô nhiễm môi trường đã được chứng nhận"
12	Chương trình đào tạo lãnh đạo Cộng đồng cho Quản lý Môi trường hướng tới Cộng đồng
13	Thành lập Ban chuyên trách xúc tiến đầu tư
14	Phát triển Phong trào "Mỗi làng một sản phẩm" tại các khu vực nông thôn của Long An
15	Xây dựng Trung tâm phát triển nguồn nhân lực
16	Nâng cấp cải tạo hệ thống kênh chính Cái Cơ - Long Khốt
17	Đường Tân Lập - Long Hậu, ĐT830, ĐT826B, đường dọc kênh 79, đường dọc sông Vàm Cỏ Tây, đường dọc sông Vàm Cỏ Đông
18	Đường Bến Lức (QL1) - Tân Tập
19	Đường Thủ Thừa - Bình Thành - Hòa Khánh
20	Đường tỉnh 831 (đoạn Vĩnh Bình - cửa khẩu Long Khốt và đoạn Vĩnh Hưng - Tân Hưng - Tân Phước đi Đồng Tháp)
21	Đường Long Hậu - Tân Tập

22	Đường Quốc lộ 62 - Tân Hưng (cặp kênh 79)
23	Đường tỉnh 830
24	Bệnh viện chuyên khoa sản nhi
25	Bệnh viện tâm thần
III	**CÁC DỰ ÁN SẢN XUẤT, KINH DOANH KÊU GỌI ĐẦU TƯ**
26	Trung tâm Công nghệ sinh thái hàng đầu Long An (LALETEC)
27	Phát triển khu công nghiệp sạch, chất lượng cao có khả năng xử lý chất thải
28	Xây dựng Trung tâm Kho vận lương thực tại Vùng Đồng Tháp Mười tỉnh Long An
29	Trung tâm y tế quốc tế chất lượng cao
30	Xây dựng trung tâm thương mại ngoại ô
31	Xây dựng trạm dừng nghỉ đường bộ
32	Thành lập Trung tâm kho vận
33	Phát triển gắn kết các khu đô thị Tân An - Bến Lức
34	Xây dựng khu làng sinh thái ven sông
35	Phát triển nhà tập thể giá phù hợp, chống được thiên tai, tiết kiệm năng lượng
36	Phát triển vùng sản xuất nông nghiệp công nghệ cao
37	Khu kinh tế cửa khẩu quốc tế Long An
38	Nhà máy cấp nước sử dụng nguồn nước từ dự án thủy lợi Phước Hòa
39	Nhà máy xử lý nước mặt ở Bến Lức

Ghi chú: Về vị trí, quy mô, diện tích đất sử dụng và tổng mức đầu tư của các công trình, dự án trong Danh mục nêu trên sẽ được tính toán, lựa chọn và xác định cụ thể trong từng giai đoạn lập và trình duyệt dự án đầu tư, tùy thuộc vào nhu cầu và khả năng cân đối, huy động vốn đầu tư của từng thời kỳ./.